

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN
NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20/2025/HC-PT**

Ngày: 05-8-2025

*“V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân
tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành
phố Huế)”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**.

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**.

ông **Trần Đức Kiên**.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thu Ba – Thẩm tra viên Toà phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:** ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 119/2025/TLPT-HC ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc *“**khấu kiện quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H)**”*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2025/HC-ST ngày 11/03/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Phạm Đình T1**; địa chỉ: **tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là tổ dân phố A, xã C, thành phố H)**. Có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Ông **Văn Lương B**, sinh năm 1983; địa chỉ: **Tổ I, khu V, phường A, quận T, thành phố H** và ông **Lê Trung T2**, sinh năm 1970; địa chỉ: **số F đường T, phường T, quận P, thành phố H (nay là 67 đường T, Phường P, Thành phố H)**. Ông **B** vắng mặt, ông **T2** có mặt.

+ Bà **Phạm Thị X**, sinh ngày 1978; địa chỉ: **H H, T, Thành Phố H**. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà **Võ Thị**

Tuệ M, Luật sư của Công ty L; địa chỉ: số B đường L, phường X, quận T, thành phố H. (nay là số B đường L, Phường V, Thành phố H). Có mặt

2. Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là thành phố H)**; địa chỉ: số A L, phường V, quận T, thành phố H nay là số A L phường T, thành phố H (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Tố D**; địa chỉ thường trú: Nhà số E, Phố V, quận C, thành phố Hà Nội (nay là số E V, phường Y, thành phố Hà Nội). Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Trần Tố D**:

+ Ông **Trần Gia C**, sinh năm 1955; địa chỉ thường trú: A G Tt Q, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: D L, phường Y, thành phố Hà Nội. Có mặt

+ Bà **Nguyễn Thị Tố U**, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: Số G ngách B N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là Số G ngách B N, phường L, thành phố Hà Nội). Vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Nguyễn Văn M1**; trú tại: A ngõ L, Đ, phường B, thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị Hoa H**, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: B L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội nay là B2102 - H L, Phường G, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Tố D: Bà **Trịnh Cẩm B1**, sinh năm 1977, luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H, địa chỉ: P, số E, phố B, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (nay là P301, số E, phố B, phường C, thành phố Hà Nội). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2023, lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 2014, ông **Phạm Đình T1** có nhận chuyển nhượng thửa đất số A1.01, tờ bản đồ số 48, diện tích 752m² tọa lạc tại **tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P** và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất **huyện P** xác nhận đăng ký biến động chủ sử dụng ngày 04/6/2014 tại Giấy chứng nhận số BA 349958 do **UBND tỉnh T** cấp ngày 01/12/2010.

Vào năm 2017, ông **T1** đã lập hồ sơ xin phép xây dựng và được Ủy ban

nhân dân huyện P cấp Giấy phép xây dựng số 101/GPXD ngày 18/12/2017. Sau đó, ông T1 tiếp tục xin điều chỉnh Giấy phép xây dựng và đã được UBND huyện P điều chỉnh Giấy phép xây dựng ngày 23/03/2018.

Sau khi có Giấy phép xây dựng và Giấy phép xây dựng điều chỉnh, ông T1 đã tiến hành xây dựng công trình. Trong quá trình xây dựng, từ khoảng tháng 03/2018 đến tháng 05/2018, Đội quản lý đô thị huyện, Ban Quản lý Khu kinh tế, khu công nghiệp, UBND thị trấn L đã phối hợp đi kiểm tra.

Ngày 10/12/2019, UBND thị trấn L đã lập Biên bản số 53/BB-VPHC về hoạt động đầu tư xây dựng, trật tự xây dựng. Trong đó kết luận: ông Phạm Đình T1 đã có hành vi vi phạm tại điểm đ khoản 7 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017.

Ngày 08/01/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ một số hạng mục công trình xây dựng vi phạm và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. Không đồng ý với Quyết định trên, ngày 05/02/2021, ông T1 làm đơn khiếu nại vì cho rằng mình đã xây đúng Giấy phép xây dựng đã cấp, đúng diện tích tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27/01/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung Quyết định 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 với nội dung: Giữ nguyên Quyết định 47/QĐ-KPHQ. Ngày 20/4/2023, UBND tỉnh T ra Quyết định số 877/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ông Phạm Đình T1 không đồng ý với các Quyết định nêu trên vì Ông là chủ sử dụng đất hợp pháp của thửa đất số A1.01, tờ bản đồ số 48, diện tích 752m² tọa lạc tại Tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P. Trước khi xây dựng, ông T1 đã tiến hành đúng quy định pháp luật về việc xin Giấy phép xây dựng và Giấy phép xây dựng điều chỉnh và tiến hành xây dựng đúng bản vẽ thiết kế trong hồ sơ xin giấy phép.

Việc UBND huyện P, Chủ tịch UBND tỉnh cho rằng ông T1 có hành vi lấn chiếm đất của bà Trần Tố D thửa đất số 38, tờ bản đồ số 48 (Theo Giấy chứng nhận có số phát hành BE 335254 với diện tích 75,5m² là không có căn cứ. Diện tích xây dựng của ngôi nhà ông T1 là đúng theo Giấy phép và Giấy chứng nhận được cấp có thẩm quyền công nhận. Sau khi ông T1 hoàn thiện công trình thì bà D gửi đơn tranh chấp đất đai đến cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân huyện P vì cho rằng ông T1 có hành vi chiếm đất của bà. Theo quy định của Luật Đất đai về thẩm quyền giải quyết tranh chấp thì khi bà D lựa chọn giải quyết tranh chấp tại UBND huyện P thì UBND huyện phải Giải quyết tranh chấp và ra Quyết định giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay chưa có bất cứ Quyết định giải quyết tranh chấp nào để xác định ông T1 có lấn chiếm đất của bà D.

Ngoài ra, đến thời điểm hiện tại thì việc tranh chấp đất đai giữa bà D với ông T1 chưa được hòa giải tại UBND thị trấn Lăng Cô là trái với quy định của

pháp luật. Yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 47/QĐ-QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Phạm Đình T1 số 277/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 877/QĐ-CCXP ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

** Người bị kiện trình bày:*

Về quyền sử dụng đất và xây dựng công trình lấn chiếm Thửa đất số A1.01, tờ bản đồ số 48, diện tích 752m², tọa lạc tại Tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P hiện ông Phạm Đình T1 đang sử dụng và xây dựng công trình do Ông nhận chuyển nhượng vào năm 2014. Thửa đất được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/2010, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh Văn phòng Đ) huyện P xác nhận đăng ký biến động chủ sử dụng đất kế tiếp cho ông Phạm Đình T1 vào ngày 04/6/2014.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Phạm Đình T1 được UBND huyện P cấp Giấy phép xây dựng ngày 18/12/2017 cho phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại thửa đất trên với mật độ xây dựng: 26,0%, hệ số sử dụng đất: 0,52, diện tích xây dựng (tầng 1): 196,1m², tổng diện tích xây dựng: 392,2m², số tầng: 02 tầng. Ngày 23/3/2018, ông Phạm Đình T1 được cấp Giấy phép xây dựng điều chỉnh, trong đó điều chỉnh: mật độ xây dựng 30%, hệ số sử dụng 0,9, diện tích xây dựng (tầng 1) 226,2m², tổng diện tích xây dựng 678,6m², số tầng 03 tầng; các nội dung khác không được điều chỉnh vẫn được giữ nguyên.

Tuy nhiên, khi tiến hành xây dựng công trình ông Phạm Đình T1 đã không thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng; xây dựng sang phần đất của bà Trần Tố D là 75,5m². Đối với nội dung xây dựng công trình lấn sang nương nước 12,6m², qua làm việc UBND thị trấn L cho biết: vào thời điểm đó, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ đo đạc xác định diện tích lấn sang nương nước là 12,6m²; sau đó theo yêu cầu của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P, Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường huyện P đo đạc và lập Bản vẽ về hiện trạng thửa đất ngày 21/10/2020 thì phần diện tích chồng lấn sang nương nước là 9,7m².

Ông Phạm Đình T1 đã thực hiện khắc phục, tháo dỡ phần diện tích công trình xây dựng vi phạm nương nước; phần không gian chiếm dụng trên nương nước ông Phạm Đình T1 kiến nghị xin được tồn tại đến khi nào cơ quan chức năng yêu cầu thì sẽ chấp hành; phần xây dựng trên thửa đất số 41 và 44 Ông đã thỏa thuận với chủ sử dụng đất liền kề; đối với nội dung lấn sang phần đất của bà Trần Tố D thì ông Phạm Đình T1 không đồng ý.

Ngày 10/12/2019, UBND thị trấn L đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 53/BB-VPHC về hoạt động đầu tư xây dựng, trật tự xây dựng đối với ông Phạm

Đình T1 về hành vi xây dựng lấn sang phần đất của bà **Trần Tố D** theo đúng quy định.

Ngày 21/9/2020, **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P** chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp tục kiểm tra, đo đạc thửa đất của ông **Phạm Đình T1**. Kết quả kiểm tra: ông **Phạm Đình T1** đã có hành vi lấn đất ở tại đô thị của bà **Trần Tố D** với diện tích 75,5m², lấn đất thủy lợi (mương nước) do **UBND thị trấn L** quản lý với diện tích 9,7m², thời điểm phát hiện 02 hành vi là ngày 03/8/2018; đồng thời thống nhất đề nghị **UBND thị trấn L** vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông **Phạm Đình T1**.

Ngày 25/9/2020, **UBND thị trấn L** đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 43/BB-VPHC đối với ông **Phạm Đình T1** về các hành vi: lấn đất ở tại đô thị của bà **Trần Tố D** với diện tích 75,5m² (thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 48); lấn đất thủy lợi (mương nước) với diện tích 9,7m² do **UBND thị trấn L** quản lý; thời điểm phát hiện các hành vi nêu trên vào ngày 03/8/2018.

Ngày 05/10/2020, **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P** lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 01/BB-XM đối với hành vi lấn đất ở tại đô thị của bà **Trần Tố D** và lấn đất thủy lợi do **UBND thị trấn L** quản lý.

Ngày 15/10/2020, **Đội Quản lý đô thị huyện P** lập Biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính số 01/BB-XM đối với hành vi coi nói, lấn chiếm không gian mương thủy lợi do **UBND thị trấn L** quản lý.

Do hành vi vi phạm về trật tự xây dựng của ông **Phạm Đình T1** vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch **UBND huyện P**; đồng thời, các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng và đất đai đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên ngày 15/10/2020, **UBND huyện P** có Tờ trình số 4590/TTr-UBND về việc chuyển vụ vi phạm hành chính đến Chủ tịch UBND tỉnh để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

* Việc ban hành Quyết định số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1**.

Kết quả kiểm tra, rà soát cho thấy: Quá trình xây dựng công trình, ông **Phạm Đình T1** không thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng theo quy định tại Giấy phép xây dựng đã cấp, cũng không thông báo cho chính quyền địa phương, do đó các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương không tham gia đo đạc, xác định phạm vi, vị trí, diện tích đất xây dựng dẫn đến việc xây dựng sai lệch phạm vi, vị trí thửa đất. Cụ thể, ông **Phạm Đình T1** đã xây dựng công trình lấn sang thửa đất của bà **Trần Tố D** với diện tích 75,5m², lấn sang phần đất thủy lợi do **UBND thị trấn L** quản lý với diện tích 9,7m².

Như vậy, Quá trình sử dụng đất tại **thị trấn L, huyện P**, ông **Phạm Đình T1** đã thực hiện các hành vi vi phạm quy định về trật tự xây dựng và đất đai; trong

đó hành vi vi phạm về trật tự xây dựng thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại khoản 3, Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Theo quy định tại điểm b khoản 4, Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi bởi khoản 26 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020 thì thẩm quyền xử phạt các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng, đất đai và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh. Việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1** là có cơ sở, đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

* Việc ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông **Phạm Đình T1**: Không đồng ý với nội dung Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trên, ngày 05/02/2021 ông **Phạm Đình T1** đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND tỉnh.

Kết quả kiểm tra, xác minh, ngày 06/12/2021 **Sở T3** có Báo cáo số 295/BC-STNMT và Báo cáo xác minh bổ sung số 61/BC-STNMT ngày 07/3/2022 với nội dung: việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1** là có cơ sở, đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; và kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2022, Chánh Thanh tra tỉnh được Chủ tịch **U1** đã chủ trì tổ chức buổi đối thoại với ông **Phạm Đình T1**.

Đến ngày 27/01/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung: Giữ nguyên nội dung Quyết định số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1** là đúng và yêu cầu ông **Phạm Đình T1** chấp hành Quyết định số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021.

* Việc ban hành Quyết định số 877/QĐ-CCXP ngày 20/4/2023 về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1**:

Theo Báo cáo số 84/BC-UBND ngày 20/3/2023 của **UBND huyện P**, đã quá thời hạn để ông **Phạm Đình T1** tự nguyện chấp hành Quyết định số 47/QĐ-KPHQ nhưng ông **Phạm Đình T1** vẫn không chấp hành. Theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 43 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020; khoản 1 Điều 2 và Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và kiến nghị của **UBND huyện P** tại Báo cáo số 84/BC-UBND nêu trên, qua kiểm tra ra soát ngày 20/4/2023, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 877/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục

hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1**.

Từ những nội dung trên, việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 277/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 877/QĐ-CCXP ngày 20/4/2023 đối với ông **Phạm Đình T1** là có cơ sở, đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trần Tố D** trình bày:*

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Bà đồng ý nội dung của các Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 277/QĐ-UBND ngày 27/01/2023 và Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 877/QĐ-CCXP ngày 20/4/2023 đối với ông **Phạm Đình T1** là hợp pháp, hợp hiến. Yêu cầu ông **Phạm Đình T1** chấp hành các quyết định trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

Thông nhất với trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh T về trình tự thủ tục, thẩm quyền ký ban hành cũng như văn bản áp dụng đối với nội dung xử lý vi phạm của ông **Phạm Đình T1**.

Quá trình tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xử lý vi phạm hành chính của ông **Phạm Đình T1** về hành vi vi phạm quy định về đất đai: Ngày 21/9/2020, UBND huyện đã chỉ đạo **Phòng T** phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cùng với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện tiến hành đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất: qua kiểm tra, đo đạc bằng Máy GPS 2 Tần số RTK E-Survey E300 pro tại thửa đất của ông **Phạm Đình T1** và bà **Trần Tố D** nêu trên, đối chiếu với bản đồ địa chính **thị trấn L** theo Hệ tọa độ **VN B**, KTT 107, múi 3⁰, nhận thấy:

Ông **Phạm Đình T1** đã có hành vi lấn đất ở tại đô thị của bà **Trần Tố D** với diện tích 75,5m² (thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 48 theo Giấy chứng nhận có số phát hành BE 335254).

Ông **Phạm Đình T1** đã có hành vi lấn đất thủy lợi (mương nước) với diện tích 9,7m² do UBND **thị trấn L** quản lý (thuộc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 80, Bản đồ địa chính **thị trấn L**).

Ngày 15/10/2020, UBND huyện đã có Tờ trình số 4590/TTr-UBND về việc chuyển vụ vi phạm hành chính của ông **Phạm Đình T1** đến Chủ tịch UBND tỉnh T để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai và lĩnh vực xây dựng. Ngày 08/01/2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Quyết định số

47/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1**.

Từ những căn cứ và cơ sở nêu trên, việc UBND huyện tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 877/QĐ-CCXP ngày 20/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1** đối với ông **Phạm Đình T1** là đúng quy định, đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Đình T1**, giữ nguyên các quyết định của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh T**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện P trình bày: Đối với diện tích 9,7m² phần diện tích lấn đất thủy lợi do UBND thị trấn L quản lý của ông **Phạm Đình T1** đề nghị buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã xây dựng lấn chiếm cho **Ủy ban nhân dân thị trấn L**. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Đình T1**, giữ nguyên các quyết định của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh T**.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 26/2024/HC-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân thành phố Huế) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 74, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 164, Điều 191, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Khoản 3 Điều 38 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm b khoản 4 Điều 52, khoản 2 Điều 66, khoản 1 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, (khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020); Điều 9, khoản 1 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 2, Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Đình T1** về yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh T**; Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông **Phạm Đình T1** số 277/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh T**; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 877/QĐ-CCXP ngày 20/4/2023 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh T** (nay là thành phố H).

2. Hủy bỏ Biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 3708/2023/QĐ-BPKCTT ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân thành phố Huế).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Phạm Đình T1** (Luật sư **Võ Thị Tuệ M**) và người đại diện theo ủy quyền của ông **Phạm Đình T1** (ông **Lê Trung T2**) và ông **T1** trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông **T1** là người nước ngoài tham gia tố tụng vào vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Quyền sử dụng đất của ông **T1** đối với thửa đất A1.01, tờ bản đồ số 48, diện tích 752m² tọa lạc tại **Tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P** đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất **huyện P** xác nhận đăng ký biến động chủ sử dụng ngày 04/6/2014 tại Giấy chứng nhận số BA 349958 do **UBND tỉnh T** cấp ngày 01/12/2010. Ông **T1** được cấp Giấy phép xây dựng số 101/GPXD và được cấp Giấy phép xây dựng bổ sung ngày 23/3/2018. Ông **T1** đã tiến hành xây dựng công trình nhà ở; quá trình ông **T1** xây dựng thì Đội quản lý đô thị huyện đã kiểm tra công trình nhưng không thông báo và không có biên bản kiểm tra. Ông **T1** đã xây dựng công trình đúng theo thiết kế, bản vẽ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do đó, cho rằng ông **T1** lấn chiếm diện tích đất của bà **Trần Tô D** là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Đình T1** hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Huế, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Ông **Lê Trung T2** và ông **Phạm Đình T1** bổ sung thêm về việc quy hoạch các tuyến đường tiếp giáp với thửa đất của ông **T1** theo quy định là phải có trước. Khi tiến hành đo đạc thì khoảng cách giữa tim đường đến vị trí xây dựng của nhà ông **T1** đảm bảo theo sơ đồ quy hoạch, do đó việc xác định ông **T1** lấn chiếm đất của bà **D** là không có cơ sở.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Trần Tô D** (Luật sư **Trịnh Cẩm B1**) trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Đình T1**. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông **Trần Gia C** bổ sung thêm: Về quyền lợi của bà **Trần Tô D** đã bị vi phạm và cần được bảo vệ. Đồng ý với quan điểm của Luật sư **Trịnh Cẩm B1** đối với các quyết định của **UBND tỉnh T** là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Đình T1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu

quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện cho rằng cấp sơ thẩm không đưa vợ ông **T1** là người nước ngoài vào tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng; tuy nhiên, đây là vụ án hành chính, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSD đất cũng như hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng chỉ mang tên ông **Phạm Đình T1**. Quá trình UBND xử lý vi phạm hành chính do hành vi lấn chiếm đất cũng chỉ có mình ông **T1** tham gia nên Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của ông **T1** thì kết quả đo vẽ phù hợp với kết quả đo đạc của **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P** đã ghi nhận tại biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với ông **T1**. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của ông **T1**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Đề nghị buộc ông **Phạm Đình T1** phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện công tố, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa ông **Phạm Đình T1** trình bày việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông là người nước ngoài vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì công trình xây dựng trên đất là của vợ chồng. Do đó, Quyết định khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ phần công trình xây dựng lấn chiếm có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ ông.

Xét thấy: Đây là vụ án hành chính, thửa đất A1.01, tờ bản đồ số 48, diện tích 752m² tọa lạc tại **Tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P (Nay là xã C, thành phố H)** được đăng ký biến động ngày 04/6/2014 tại Giấy chứng nhận số BA 349958 do **UBND tỉnh T** cấp ngày 01/12/2010 cho một mình ông **Phạm Đình T1**. Xuyên suốt quá trình xin cấp giấy phép xây dựng cũng chỉ có một mình ông **T1** đứng ra làm thủ tục. Quá trình ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và giải quyết vụ việc tại UBND các cấp chỉ có một mình ông **T1** tham gia và ông **T1** cũng không có ý kiến gì khác. Do đó, ông **T1** cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng khi không đưa vợ ông tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Thửa đất A1.01, tờ bản đồ số 48, diện tích 752m² tọa lạc tại **Tổ dân phố A, thị trấn L, huyện P** (Nay là xã C, thành phố H) được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất **huyện P** xác nhận đăng ký biến động ngày 04/6/2014 tại Giấy chứng nhận số BA 349958 do **UBND tỉnh T** cấp ngày 01/12/2010 cho ông **Phạm Đình T1**. Ông **T1** được cấp Giấy phép xây dựng số 101/GPXD và được cấp Giấy phép xây dựng bổ sung ngày 23/3/2018. Sau khi được cấp giấy phép xây dựng ông **T1** đã tiến hành xây dựng công trình nhà ở. Ngày 20/7/2018, bà **Nguyễn Thị Tố U** (Con ruột bà **Trần Tố D**) được sự ủy quyền của bà **Trần Tố D** gửi đơn đề nghị **UBND thị trấn L** kiểm tra thực tế kích thước thửa đất số 38, tờ bản đồ số 48, diện tích 414m², **khâu Q, thị trấn L** đứng tên bà **Trần Tố D**. Quá trình kiểm tra, đo đạc, **UBND thị trấn L** và **UBND huyện P** phối hợp với các cơ quan liên quan xác định công trình xây dựng nhà ở của ông **T1** có lấn sang phần đất của bà **Trần Tố D** tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 48 với diện tích 75,5m² để xây dựng một số hạng mục công trình gồm: một phần sàn bê tông cốt thép có lan can ở tầng 2, tầng 3, sàn bê tông tầng mái, các phòng ở tầng 2, đường móng kê giữ đất xây bằng bờ lô, cầu thang đi bộ và một phần tường trụ nhà”. Do đó, **UBND huyện P** đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi lấn chiếm đất của ông **T1**.

Ngày 15/10/2020, **UBND huyện P** đã chuyển vụ việc vi phạm hành chính của ông **Phạm Đình T1** đến Chủ tịch **UBND tỉnh T** để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai và lĩnh vực xây dựng. Ngày 08/01/2021, Chủ tịch **UBND tỉnh T** đã có Quyết định số 47/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1**. Ông **T1** khiếu nại đến Chủ tịch **UBND tỉnh T** đối với Quyết định áp dụng khắc phục hậu quả nêu trên. Ngày 27/01/2023, Chủ tịch **UBND tỉnh T** ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung: Giữ nguyên nội dung Quyết định số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1** là đúng và yêu cầu ông **Phạm Đình T1** chấp hành Quyết định số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021. Ngày 20/4/2023 Chủ tịch **UBND tỉnh T** ban hành Quyết định số 877/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông **Phạm Đình T1**. Ông **T1** không đồng ý và khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy bỏ các Quyết định nêu trên.

[2.2] Xét kháng cáo của ông **Phạm Đình T1** thấy:

Quá trình giải quyết vụ án ông **T1** xác định Ông không lấn chiếm đất của bà **Trần Tố D** như các văn bản của **UBND thị trấn L** và **UBND huyện P** (nay là xã C) xác định. Phần diện tích xây dựng nhà ở, Ông đã xây dựng đúng kích thước, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và đúng theo bản vẽ thiết kế khi làm thủ tục xin cấp Giấy phép xây dựng. Do đó, khi **UBND huyện P** (nay là xã C) chuyển vụ việc vi phạm hành chính của ông đến Chủ tịch **UBND tỉnh T** để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai, lĩnh vực xây dựng và Chủ tịch **UBND tỉnh T** đã ban hành Quyết định số 47/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tháo dỡ đối với phần công

trình xây dựng lấn chiếm sang phần đất của bà **Trần Tố D** là không đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp phúc thẩm, ông **T1** đề nghị tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc lại diện tích đất và công trình xây dựng của Ông và bà **Trần Tố D**. Ngày 25/7/2025 Toà án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với hiện trạng đất thực tế và công trình xây dựng nhà ở của ông **Phạm Đình T1** và bà **Trần Tố D**, theo đó kết quả xem xét thể hiện:

Hiện trạng thực tế công trình xây dựng nhà, đất của ông **T1** có kích thước bề ngang phía trước sau khi đo đạc là 22,21m (tính cả phần đang tranh chấp 2,21m); kích thước bề ngang phía sau theo hiện trạng thực tế tính từ tim đường đến da tường gara là 5,75m, từ da tường gara đến hết phần đất xây dựng là 17m.

Đối với phần diện tích đất của bà **Trần Tố D** sau khi đo đạc thực tế thể hiện kích thước bề ngang phía trước và phía sau là 9,79m (Giấy chứng nhận QSD đất là 12m), tính cả phần tranh chấp 2,21m thì đúng bằng diện tích được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối chiếu kết quả, xem xét, thẩm định và Giấy phép xây dựng ông **T1** được cấp thì thấy: công trình xây dựng của nhà ông **T1** đã vượt quá phần kích thước cho phép xây dựng. Mặt khác, kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ nêu trên phù hợp với kết quả đo đạc của **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P** phối hợp cùng **Trung tâm Kỹ thuật Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh T**. Từ đó, có cơ sở xác định quá trình xây dựng nhà ở, ông **T1** đã xây dựng lấn chiếm lên phần đất của bà **Trần Tố D**. Phần đất lấn chiếm có diện tích là 75,5m². Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông **T1** về việc yêu cầu huỷ các Quyết định nêu trên của UBND và Chủ tịch **UBND tỉnh T** (nay là **thành phố H**) là có căn cứ.

[3]. Đối với nội dung ông **T1** trình bày đường Nguyễn Văn hiện nay có kích thước khác với đường quy hoạch theo sơ đồ bản vẽ dẫn đến việc **UBND xã C-L** đang thi công công trình cống thoát nước ảnh hưởng đến phần diện tích đất của Ông. Nội dung này, tại phiên xem xét, thẩm định tại chỗ cũng như tại biên bản làm việc giữa UBND xã trước đây và những hộ dân bị ảnh hưởng trong đó có hộ ông **T1** thì UBND xã xác định con đường mới hiện nay có ảnh hưởng đến phần diện tích đất của ông **T1** cụ thể là phần công trình cống thoát nước có chiều rộng 2,5m, chiều dài của hệ thống cống thoát nước khoảng 32m. Nội dung này ông **T1** không yêu cầu nên HĐXX không xem xét. Trường hợp ông **T1** cho rằng việc thi công công trình cống thoát nước nêu trên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của mình thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Đình T1**. Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện công

tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông **Phạm Đình T1** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông **T1** đã nộp và đã chi.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông **Phạm Đình T1**. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2024/HC-ST ngày 20/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Tòa án nhân dân thành phố Huế).

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 74, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 164, Điều 191, khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Khoản 3 Điều 38 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm b khoản 4 Điều 52, khoản 2 Điều 66, khoản 1 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, (khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020); Điều 9, khoản 1 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; khoản 1 Điều 2, Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Phạm Đình T1** về yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 47/QĐ-KPHQ ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; Quyết định về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông **Phạm Đình T1** số 277/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 877/QĐ-CCXP ngày 20/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

2. Hủy bỏ Biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 3708/2023/QĐ-BPKCTT ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông **Phạm Đình T1** phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu

tiền số AA/2021/0000407 ngày 30/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế; ông T1 đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Phạm Đình T1 phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000008 ngày 20/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Thi hành án dân sự thành phố H); ông T1 đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông T1 đã nộp và đã chi.

4. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn